

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Robot Trục Kép XZ - Dòng XYG320-F (XZ Axis Robot Specification)

HÀNH TRÌNH TỐI ĐA (MAXIMUM STROKE)

Trục X 1100 mm

Trục Z 250 mm

VẬN TỐC TỐI ĐA (MAXIMUM SPEED)

Trục X 1000 mm/s

Trục Z 500 mm/s

CÔNG SUẤT ĐỘNG CƠ (SERVO OUTPUT)

Trục X 200 W

Trục Z 100W + Phanh (Brake)

THÔNG SỐ CƠ BẢN (SPECIFICATION)

Hạng mục (Item)	Trục X (X axis)	Trục Z (Z axis)
Mã kiểu trục (Model Type)	CFG8	CFG5
Độ lặp lại (Repeatability)	±0.01 mm	±0.01 mm
Bước vít me (Ball Screw Lead)	20 mm	10 mm
Vận tốc tối đa (Max Speed) ※3	1000 mm/s	500 mm/s
Hành trình chuẩn (Bước 50mm)	100 ~ 1100 mm	50 ~ 250 mm
Công suất Servo (AC Output)	200 W	100 W + Phanh
Môi trường làm việc	0~40°C, dưới 85% RH	

※3: Vận tốc tối đa (mm/s) dựa trên tốc độ quay tối đa 3000 rpm/min của động cơ AC Servo.

TẢI TRỌNG TỐI ĐA (MAXIMUM PAYLOAD)

Hành trình Trục Z (Z Stroke)	50 ~ 250 mm
Tải trọng Trục Z (Z Payload)	5 kg

HƯỚNG DẪN CHỌN MÃ SẢN PHẨM (ORDERING METHOD)

XYG320 - F 1 - 300 - 250 - T - C - 0001

1. Mã thân máy (Model Base)

XYG320

2. Phương thức kết nối (Combination)

F Kiểu chữ Thập / Trục XZ (XZ Type)

3. Hướng kết hợp (Combination Direction)

- 1 Hướng 1
3 Hướng 3

5. Hành trình trục Z (Z Stroke)

50 ~ 250 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

7. Phương thức giao hàng (Delivery Method)

- C Giao theo bộ hoàn chỉnh (By Set)
K Giao theo dạng linh kiện/mô-đun rời (By Kit)

4. Hành trình trục X (X Stroke)

100 ~ 1100 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

6. Tiêu chuẩn lắp động cơ (Motor Installation)

- T Chuẩn thông dụng: Mitsubishi, Delta, Yaskawa, Inovance, v.v.
P Chuẩn động cơ Panasonic

8. Mã yêu cầu đặc biệt (Special Order No.)

0001 (Mã quy định riêng theo đơn hàng đặt đặc biệt)